

Bản án số: 137/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T tổ chức đám cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào năm 2001. Trong quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T nhiều lần đi nhậu về chửi, đánh chị, ngoài ra còn có hành vi dùng dao đe dọa hành hung chị. Chị và anh T đã ly thân khoảng 04 tháng. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữa chị với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng có mâu thuẫn như chị T trình bày, nhưng anh cho rằng những mâu thuẫn đó xảy ra vào thời gian trước đây, hiện nay anh đã sửa chữa, khắc phục. Nay anh T xét thấy vẫn còn tình cảm với chị T, nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh xin đoàn tụ.

- *Về nuôi con chung*: Anh và chị T tự thỏa thuận về vấn đề nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T và anh T giữ nguyên quan điểm, không yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Dương Văn T là vụ kiện tranh chấp về ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 1999, chị T và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định đã được anh T thừa nhận. Tuy nhiên, anh T cho rằng hiện nay anh đã khắc phục, sửa chữa, nhưng chị T không thừa nhận. Tại phiên tòa, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh T, chị không đồng ý đoàn tụ, mà chị cương quyết xin ly hôn. Đối với anh T, mặc dù anh muốn đoàn tụ, nhưng ngoài việc anh hứa khắc phục, sửa chữa không được chị T đồng ý, thì anh cũng không có biện pháp gì khác để thuyết phục chị T đoàn tụ với anh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T đã có những rạn nứt về tình cảm. Mặt khác, anh T thường hay chửi chị T những khi đi

nhận về, nghĩa là anh T có thái độ không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho chị T. Như vậy, anh T đã vi phạm Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về nghĩa vụ tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ chồng. Ngoài ra, anh T còn có hành vi bạo lực gia đình như đánh chị T, dùng dao đe dọa hành hung đối với chị T.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân.

[4] *Xét yêu cầu về nuôi con chung*, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Xét về chia tài sản và nợ*: Chị T và anh T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Xét về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dương Văn T.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009918 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy banh nhân dân xã Tân Đức, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh